

Số: 760/BC-BCT

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO TÓM TẮT

Về các giải pháp bảo đảm cung ứng điện giai đoạn 2026-2030 và điều chỉnh Quy hoạch điện VIII

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Gia Túc¹, Bộ Công Thương kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ một số nội dung sau:

I. Tổng quan về cung cầu năng lượng và khả năng cung ứng điện và sự cần thiết điều chỉnh Quy hoạch điện VIII

1. Về tình hình cung cầu năng lượng quốc gia

Việt Nam trở thành nước nhập khẩu ròng năng lượng từ năm 2015, tỷ trọng nhập khẩu ròng trên tổng NLSC là 8,4% năm 2015, 43,9% vào năm 2025 (nhập khẩu 53,6 triệu TOE) và dự kiến 43,6% vào năm 2030 (nhập khẩu 83,3 triệu TOE). Như vậy, Việt Nam đang đối mặt với những thách thức rất nghiêm trọng về sự mất cân đối cung cầu năng lượng, nhập khẩu ròng hiện rất lớn (trên 40%) trong khi Việt Nam vẫn có nguồn tài nguyên dầu khí, than chưa được khai thác.

2. Nhu cầu điện và cơ cấu phụ tải

Tổng hợp rà soát phụ tải của các địa phương, giai đoạn 2026-2030 cơ bản phù hợp với nhu cầu tăng trưởng bình quân đã tính toán (điện thương phẩm từ 11,9-14,3%/năm, Pmax từ 13,3-15,9%/năm). Một số khu vực có phụ tải tăng đột biến, không theo quy luật quá khứ trong giai đoạn vừa qua như khu vực Bắc Trung Bộ, Đồng bằng sông Hồng. **Do đó, cần phải rà soát toàn bộ nhu cầu phụ tải cho các trung tâm dữ liệu, trung tâm AI, hạ tầng trạm sạc xe điện, phụ tải làm mát, sưởi ấm,...** để đồng bộ, thống nhất với không gian phát triển của 34 địa phương sau khi sáp nhập và định hướng về phát triển các vùng và tổ chức không gian tại Nghị quyết số 27-NQ/TW của Bộ Chính trị.

3. Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch

a) Tình hình thực hiện nguồn điện

Tình hình triển khai các dự án của các địa phương trong giai đoạn vừa qua rất chậm, tiềm ẩn rủi ro đối với an ninh cung ứng điện, nhiều dự án nguồn điện lớn không thể kịp tiến độ đưa vào vận hành trong giai đoạn từ nay đến năm 2030,

¹ Văn bản số 8175/VPCP-CN ngày 14/8/2026 của Văn phòng Chính phủ về tình hình triển khai và giải pháp thực hiện điều chỉnh Quy hoạch điện VIII; Thông báo số 458/TB-VPCP ngày 30/8/2026 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận tại cuộc họp về tình hình triển khai các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành năng lượng.

trách nhiệm chính thuộc về các địa phương do quá trình cấp chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư và tổ chức triển khai thực hiện dự án mất rất nhiều thời gian. Sau khoảng hơn 3 năm triển khai Quy hoạch điện VIII, tổng công suất các dự án đã đưa vào vận hành chỉ chiếm 5%, dự án đã khởi công (chưa vận hành) chiếm khoảng 9%, các dự án đã lựa chọn được nhà đầu tư (chưa khởi công) chiếm 28%, dự án có chủ trương đầu tư (chưa chọn được nhà đầu tư) chiếm khoảng 12%, còn lại khoảng 45% là các dự án chưa có chủ trương đầu tư.

b) Tình hình thực hiện lưới điện truyền tải

EVN và các đơn vị đã và đang triển khai và dự kiến hoàn thành 292 công trình (gồm 78 công trình 500 kV và 214 công trình 220 kV) với tổng khối lượng thực hiện khoảng 16.665 km đường dây và 91.263 MVA tổng dung lượng máy biến áp trong giai đoạn 2026-2030. Tuy nhiên, EVN và các đơn vị thành viên chỉ có khả năng thực hiện 28,6% khối lượng dự án lưới điện của Quy hoạch điện VIII và khoảng 40,2% khối lượng dự án lưới điện dự kiến nhà nước đầu tư cần hoàn thành trong giai đoạn 2025-2030, còn lại là đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

II. Về tình hình cung ứng điện

1. Tình hình cung ứng điện năm 2026

Năm 2026, tổng sản lượng điện sản xuất ước đạt 354,4 tỷ kWh, tăng trưởng xấp xỉ **9,7%** so với năm 2025. Công suất cực đại (Pmax) toàn hệ thống đạt 57.537 MW, cao hơn **6,4%** so với mức kỷ lục năm 2025. Đối với miền Bắc, Pmax đạt 30.248 MW (tăng **7,3%**). Nhìn chung, việc cung cấp điện của hệ thống điện quốc gia trong năm 2026 bảo đảm, đáp ứng nhu cầu đất nước.

2. Đánh giá về cân đối cung - cầu điện giai đoạn 2027-2030

Trên cơ sở cập nhật tính toán, xác định nhu cầu sản lượng điện và công suất cực đại Pmax theo từng năm, khả năng cung ứng điện cho các năm trong giai đoạn 2027-2030 như sau:

- Năm 2027: Công suất hệ thống điện quốc gia thiếu hụt khoảng **4.256 MW**; sản lượng thiếu hụt khoảng **2,9 tỷ kWh**. Đối với hệ thống điện miền Bắc, công suất thiếu hụt khoảng **5.680 MW**; sản lượng thiếu hụt khoảng **2,9 tỷ kWh**.

- Năm 2028: Công suất hệ thống điện quốc gia thiếu hụt khoảng **8.309 MW**; sản lượng thiếu hụt khoảng **20,7 tỷ kWh**. Đối với hệ thống điện miền Bắc, công suất thiếu hụt khoảng **9.678 MW**; sản lượng thiếu hụt khoảng **17,3 tỷ kWh**.

- Năm 2029: Công suất hệ thống điện quốc gia thiếu hụt khoảng **13.348 MW**; sản lượng thiếu hụt khoảng **50,4 tỷ kWh**. Đối với hệ thống điện miền Bắc, công suất thiếu hụt khoảng **14.081 MW**; sản lượng thiếu hụt khoảng **36,14 tỷ kWh**.

- Năm 2030: Công suất hệ thống điện quốc gia thiếu hụt khoảng **13.964 MW**; sản lượng thiếu hụt khoảng **61,18 tỷ kWh**. Đối với hệ thống điện miền Bắc, công suất thiếu hụt khoảng **13.026 MW**; sản lượng thiếu hụt khoảng **44,65 tỷ kWh**.

3. Đánh giá chung về khả năng đầu tư xây dựng theo quy hoạch nhằm bảo đảm cung ứng điện

Trong thời gian qua, khối lượng đầu tư thực hiện đối với các dự án nguồn

điện và lưới điện còn thấp so với yêu cầu của quy hoạch, dẫn đến nguy cơ thiếu hụt nguồn cung điện trong những năm tới, đặc biệt trong giai đoạn 2027-2030. Trong bối cảnh nhu cầu điện tiếp tục tăng cao, việc cập nhật, bổ sung và điều chỉnh quy hoạch điện là cần thiết và cấp bách. Vì vậy, cần triển khai đồng thời theo hai bước có quan hệ chặt chẽ và thống nhất:

Bước 1 - thực hiện ngay các giải pháp cấp bách, nhằm bảo đảm cung ứng điện an toàn, liên tục trong giai đoạn 2027-2030 (đôn đốc địa phương đẩy nhanh tiến độ nguồn điện, triển khai điện mặt trời tập trung quy mô lớn kết hợp BESS, lắp đặt điện mặt trời mái nhà tại công sở, cơ quan, trường học, đẩy nhanh tiến độ lưới điện truyền tải Trung - Bắc).

Bước 2 - thực hiện cập nhật theo Nghị quyết số 253/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 272/2026/NĐ-CP của Chính phủ, bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch điện theo Luật Quy hoạch, bảo đảm đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật cho toàn bộ chu kỳ 2027-2030 và định hướng đến năm 2050, bảo đảm tính thống nhất, kế thừa và không làm phát sinh mâu thuẫn giữa các giải pháp cấp bách trước mắt với định hướng phát triển hệ thống điện dài hạn.

4. Nguyên nhân

a) Tính hợp lý của quy hoạch

(i) Một số nội dung dự báo chưa sát với thực tế, trong quá trình lập quy hoạch chưa tính hết các vấn đề về rủi ro chính trị (phụ tải, cơ cấu nguồn sử dụng các loại năng lượng sơ cấp, tác động của chiến tranh).

(ii) Các nguồn điện năng lượng tái tạo mang tính bất định và chưa được lựa chọn theo nguyên tắc khí tượng để cân bằng hệ thống.

(iii) Quan điểm và phương án đầu tư, vận hành nguồn LNG chưa phù hợp với chi phí và khả năng nhập khẩu LNG, trong khi LNG là không hoàn toàn là nguồn điện phát thải thấp (LNG phát thải bằng khoảng 65-70% nhiệt điện than trên siêu tới hạn).

(iv) Nhận thức về nhiệt điện than trong việc bảo đảm an ninh năng lượng và cân bằng phát thải còn chưa phù hợp với thực trạng nền kinh tế, quy trình phát triển đất nước và bảo đảm an ninh năng lượng.

(v) Giá biên của sản xuất điện cao, vượt quá khả năng chịu đựng của nền kinh tế.

b) Tổ chức thực hiện quy hoạch

(i) Quy hoạch chưa chuyển đủ nhanh thành "dự án có thể xây dựng", có thể xem đây là nguyên nhân gốc, do quá trình chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư quá dài và không có cơ chế thay thế đủ nhanh.

(ii) Nguồn điện và lưới điện đã có quy hoạch, nhưng chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ tiến độ; nhiều địa phương không có danh mục lưới điện thể hiện tại phương án cấp điện trong quy hoạch tỉnh.

(iii) Hệ thống công cụ, chính sách, pháp luật để thúc đẩy phát triển năng lượng, đảm bảo an ninh cung cấp điện đang tụt hậu tại nhiều khâu thể chế

khác nhau (đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, đấu thầu, khai thác vận hành, ... do nhiều cơ quan, Bộ, ngành quản lý).

(iv) Do có sự phân tách giữa chức năng quản lý nhà nước về ngành điện và chức năng đại diện chủ sở hữu đối với các tập đoàn năng lượng nhà nước, chưa thống nhất đầu mỗi quản lý.

(iv) Quy định pháp luật và các cơ chế hiện hành về tài chính, giá điện chưa thực sự hấp dẫn các nhà đầu tư.

(v) Các dự án điện LNG rất chậm trong quá trình triển khai, do khó khăn trong việc thu xếp tài chính, cung cấp tuabin, đàm phán hợp đồng mua bán điện, giá khí LNG nhập khẩu rất cao và biến động mạnh.

(vi) Công tác chuẩn bị đầu tư các dự án lưới điện (thỏa thuận hướng tuyến, phê duyệt chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư, thủ tục đất đai, ...) mất nhiều thời gian.

(vii) Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho nguồn và lưới điện trong Quy hoạch điện VIII rất lớn, gây áp lực về vốn đầu tư đối với các doanh nghiệp, bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước.

(viii) Các địa phương chưa chủ động trong việc cập nhật các quy hoạch liên quan, bố trí quỹ đất, hỗ trợ triển khai dự án và định hướng trong phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh; công tác phối hợp giữa các bộ ngành, địa phương chưa đồng bộ.

III. Giải pháp để bảo đảm cung cấp điện

1. Nhóm giải pháp phải thực hiện ngay để bảo đảm cung ứng điện cho năm 2027, 2028

a) Giải pháp đối với nguồn điện

(i) Giao chỉ tiêu cho từng địa phương (đặc biệt là miền Bắc) phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ theo Nghị định số 243/2026/NĐ-CP và Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trước mắt sử dụng ngân sách nhà nước lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ tại các bệnh viện, trường học, cơ quan công sở là tài sản do nhà nước quản lý khoảng 2.800 MW hoàn thành trước tháng 6 năm 2027; Khuyến khích lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp (để giảm công suất tự dùng) kết hợp BESS phân đầu đạt từ 3.000-5.000 MW tại các địa phương trước mùa khô năm 2027 và năm 2028; Bắt buộc lắp đặt tại các nhà máy điện, trạm biến áp trên toàn quốc trong trường hợp sẵn sàng có mái.

(ii) Tập trung đầu tư các dự án BESS với mức công suất cần bổ sung khoảng 2.000 - 3.000 MW phục vụ cấp điện cho giai đoạn năm 2027-2028 để đảm bảo đáp ứng nhu cầu tăng trưởng phụ tải vào các khung giờ cao điểm.

(iii) Phải đảm bảo tiến độ các dự án nhập khẩu từ Lào đưa vào vận hành khoảng 700 MW năm 2027 và 1.700 MW năm 2028; nhập khẩu điện từ Trung Quốc qua hướng Móng Cái khoảng 600 MW trước 31/3/2027.

(iv) Bắt buộc phải đưa vào vận hành năm 2027 là 1.000 MW, năm 2028 là 3.000 MW nguồn điện mặt trời tập trung và 2.000 MW điện gió trên bờ và gần bờ

năm 2028 đã được cấp chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư.

(v) Yêu cầu các địa phương bắt buộc phải cấp chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư đối với các dự án điện đã có quy hoạch, hoàn thành trước tháng 6 năm 2027, đơn đốc và cam kết triển khai các dự án điện đúng tiến độ theo quy hoạch.

b) Giải pháp đối với lưới điện truyền tải

(i) Sớm đưa vào vận hành các dự án cấp điện cho khu vực miền Bắc như T500 Bắc Ninh và đấu nối, TBA 220kV An Lão và đấu nối đồng bộ với ĐZ 110kV, TBA 220 kV Bắc Ninh 5 và đường dây đấu nối, T500 Thái Bình và đấu nối.

(ii) Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng và hoàn thành các công trình lưới điện hỗ trợ giải toả công suất nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I và các dự án năng lượng tái tạo từ Quảng Trị ra phía Bắc; lưới điện giải toả công suất từ các địa phương Tây Bắc về trung tâm phụ tải.

(iii) Xây dựng cơ chế giá điện hợp lý, trong đó có giá truyền tải để đảm bảo nguồn lực đầu tư lưới điện truyền tải; khuyến khích các nhà đầu tư tư nhân đầu tư vào các loại hình nguồn điện và lưới điện truyền tải.

2. Nhóm giải pháp phải thực hiện ngay để cung ứng đủ điện cho năm 2029, 2030

a) Giải pháp đối với nguồn điện

(i) Xem xét bổ sung một số dự án nhiệt điện than và có lộ trình lắp kèm hệ thống thu giữ các bon (CCS) theo chủ trương tại Kết luận số 18-KL/TW. Phấn đấu đưa vào vận hành 5.300 MW nhiệt điện than mới năm 2030 tại các khu vực nằm gần trung tâm phụ tải (Quảng Ninh, Ninh Bình, Quảng Trị, Cần Thơ).

(ii) Xem xét ưu tiên bổ sung nguồn điện gió, điện mặt trời tại một số địa phương có tiềm năng tốt, có đặc tính phát phù hợp với yêu cầu của hệ thống điện. Đảm bảo tiến độ đưa vào vận hành năm 2029 là 5.500 MW, năm 2030 là 3.000 MW nguồn điện mặt trời tập trung và 4.000 MW điện gió trên bờ và gần bờ năm 2029, 3.000 MW điện gió trên bờ và gần bờ năm 2030.

(iii) Đảm bảo tiến độ các dự án nhập khẩu từ Lào đưa vào vận hành khoảng 1.500 MW năm 2029 và 1.000 MW năm 2030.

b) Giải pháp đối với lưới điện truyền tải

(i) Xem xét bổ sung một số trục đường dây truyền tải 500 kV xoay chiều để bảo đảm khả năng giải toả công suất nguồn điện tại khu vực Quảng Trị ra phía Bắc và từ khu vực Tây Bắc về khu vực Hà Nội, đưa vào vận hành trước năm 2029.

(ii) Có giải pháp tăng cường nguồn lực cho EVN, EVNNPT có thể triển khai khối lượng lớn các dự án lưới điện truyền tải.

3. Nhóm giải pháp về quản lý vận hành, quản lý nhu cầu điện

(i) Triển khai hiệu quả các chương trình quản lý nhu cầu điện, tiết kiệm điện và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, đặc biệt, sớm ban hành quy chuẩn đối với thiết bị điều hòa nhiệt độ theo hướng nâng giá trị nhiệt độ thấp nhất ở ngưỡng 25-26°C; phấn đấu dịch chuyển, điều chỉnh khoảng 3.000 MW phụ tải điện ra khỏi khung giờ cao điểm của hệ thống; tiết kiệm điện tối thiểu 3,0%, trong

các tháng cao điểm nắng nóng (tháng 4, 5, 6, 7), thực hiện tiết kiệm tối thiểu 10% điện năng tiêu thụ.

(ii) Xây dựng phương án tích nước, điều tiết và khai thác nguồn nước phù hợp với diễn biến thủy văn và yêu cầu vận hành hệ thống điện, đảm bảo tích nước tối đa vào thời điểm cuối năm để chuẩn bị cho mùa khô năm tiếp theo.

(iii) Tiếp tục xây dựng các kịch bản để vận hành linh hoạt các hồ chứa thủy điện đảm bảo việc vận hành các hồ chứa không ảnh hưởng tới nhiệm vụ phòng, chống, cắt, giảm lũ cho hạ du và sử dụng nước tiết kiệm, không gây lãng phí nguồn nước trong mùa khô và giai đoạn thủy văn bất lợi.

(iv) Tiếp tục kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép các nhà máy nhiệt điện than miền Bắc đang vận hành được áp dụng cơ chế đặc thù **“miễn trừ tạm thời”** việc tuân thủ quy chuẩn về nhiệt độ nước làm mát trong các tình huống vận hành khẩn cấp của hệ thống điện, nhằm huy động cao các nhà máy nhiệt điện than khi chưa đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường (nhiệt độ nước làm mát thải ra môi trường) trong giai đoạn cao điểm phụ tải, đặc biệt là khu vực miền Bắc.

4. Đánh giá một số rủi ro khi thực hiện các giải pháp cấp bách để bảo đảm cung ứng điện nêu trên

(i) Việc bảo đảm tiến độ các dự án nhiệt điện than giai đoạn 2029-2030 trong trường hợp được điều chỉnh quy hoạch cần đi kèm các cơ chế, chính sách kèm theo, đặc biệt là các giải pháp về huy động vốn, công nghệ thu hồi, xử lý khí thải. Ngoài ra, các địa phương phải cam kết lựa chọn ngay nhà đầu tư sau khi quy hoạch được duyệt, cam kết tiến độ hoàn thành, đưa vào vận hành và chịu trách nhiệm toàn diện trong trường hợp chậm tiến độ.

(ii) Việc bảo đảm tiến độ vận hành công suất 2.000-3.000 MW các dự án BESS vào năm 2027-2028 còn nhiều rủi ro về tiến độ, cần giao cho các nhà đầu tư có năng lực để triển khai ngay như EVN, PVN.

(iii) Tiến độ các dự án lưới điện truyền tải từ các nguồn điện khu vực miền Trung - Bắc và từ miền Trung - Nam đồng bộ với tiến độ các nguồn điện còn nhiều rủi ro do khối lượng đầu tư rất lớn, đi qua nhiều địa phương nên khó khăn trong việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất và nguồn lực của EVN, EVNNPT khó bảo đảm triển khai đồng thời nhiều dự án lớn.

5. Nhóm giải pháp về điều chỉnh quy hoạch

Bộ Công Thương xác định phạm vi, nội dung chính và phương án điều chỉnh Quy hoạch điện VIII như sau: (i) Các nguồn điện LNG chậm tiến độ sẽ được đưa ra giai đoạn sau 2031-2035; (ii) Bổ sung các nhà máy nhiệt điện than với quy mô tương đương kèm theo lộ trình thu hồi, xử lý khí thải theo Kết luận số 18-KL/TW để bù đắp công suất và sản lượng của nguồn LNG; (iii) Ưu tiên đầu tư các dự án điện gió, đặc biệt các nguồn điện gió có khả năng phát vào cao điểm của miền Nam và miền Bắc; (iv) Rà soát tình hình triển khai các dự án đã có trong quy hoạch, khả năng phát triển mới các dự án nguồn điện có tính khả thi cao để rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch nếu cần thiết, đặc biệt là đối với khu vực miền Bắc.

IV. Đề xuất, kiến nghị

Bộ Công Thương kính báo cáo và kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ một số nội dung như sau:

1. Về cơ chế chính sách

(i) Ban hành Nghị quyết của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu bảo đảm cung cấp điện cho phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng hai con số giai đoạn 2027-2030 (dự thảo Nghị quyết kèm theo).

(ii) Cho phép Bộ Công Thương tổ chức thực hiện điều chỉnh quy hoạch theo 02 bước:

- Bước 1: Điều chỉnh cập nhật quy hoạch theo quy định tại Nghị quyết số 253/2025/QH15, trong đó cho phép bổ sung các dự án nhiệt điện than mới để bù đắp các dự án nguồn điện nền khác (LNG, than) chậm tiến độ, bổ sung nguồn năng lượng tái tạo có khả năng triển khai nhanh để bù đắp các dự án khác chưa triển khai, nhằm đáp ứng nhu cầu điện cho khu vực phía Bắc giai đoạn 2027-2028 và khu vực phía Nam giai đoạn 2029-2030, một số địa phương gồm: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Quảng Ninh, Ninh Bình, Quảng Trị, TP Cần Thơ, Cà Mau, Vĩnh Long, Lâm Đồng, Gia Lai trên cơ sở xếp hạng cần thiết theo các tiêu chí để giải quyết vấn đề cấp bách trước mắt, nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Bước 2: Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch điện VIII theo quy định của Luật Quy hoạch, trong đó các dự án đã được điều chỉnh cập nhật quy hoạch Bước 1 là phần gắn kết chặt chẽ, không tách rời trong điều chỉnh tổng thể.

(iii) Đồng ý chủ trương chuyển các Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Bộ Công Thương là cơ quan chủ sở hữu để có đủ lực lượng, nguồn lực triển khai thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt.

(iv) Thủ tướng Chính phủ cho phép các nhà máy nhiệt điện than miền Bắc được áp dụng cơ chế đặc thù “**miễn trừ tạm thời**” (giai đoạn đến 2030) việc tuân thủ quy chuẩn về nhiệt độ nước làm mát trong các tình huống vận hành khẩn cấp của hệ thống điện, nhằm cho phép huy động cao các nhà máy nhiệt điện than khi chưa đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường (nhiệt độ nước làm mát thải ra môi trường) trong giai đoạn cao điểm phụ tải, đặc biệt là khu vực miền Bắc.

(v) Ban hành danh mục công trình điện cấp bách giao các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Điện lực.

(v) Giao các Bộ, ngành phối hợp với Bộ Công Thương tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách thu hút đầu tư trong lĩnh vực điện lực sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực được thông qua, trong đó có cơ chế đầu tư theo phương thức đối tác công tư, điều hành giá điện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, bảo đảm kết hợp hài hòa giữa các mục tiêu chính trị - kinh tế - xã hội của Nhà nước và mục tiêu sản xuất kinh doanh, tự chủ tài chính của các doanh nghiệp ngành điện.

2. Về tổ chức thực hiện

Để đảm bảo nguồn cung ứng điện và giải quyết dứt điểm các nút thắt dòng

vốn cũng như tiến độ dự án, việc giao trách nhiệm cụ thể, rõ ràng cho từng cấp là yếu tố quyết định để đưa các dự án trong Quy hoạch điện VIII vào vận hành đúng tiến độ, trách nhiệm và cơ chế giám sát từ Trung ương đến địa phương và các doanh nghiệp trong lĩnh vực năng lượng như sau:

a) Đối với Bộ Công Thương

(i) Tiếp tục nghiên cứu, chủ động tham mưu cho cấp có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các quy định, cơ chế chính sách có liên quan nhằm hoàn thiện khung chính sách, pháp luật về phát triển điện lực, bảo đảm đồng bộ, khả thi, nhất là cơ chế về giá các loại hình nguồn điện; giá, phí truyền tải và điều độ.

(ii) Theo dõi, giám sát và kịp thời giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền phương án giải quyết vướng mắc trong thực hiện đầu tư, xây dựng các dự án nguồn điện, lưới điện, bảo đảm tiến độ đưa vào vận hành ổn định các nguồn điện, lưới điện truyền tải góp phần bảo đảm cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia giai đoạn 2027-2030.

(iii) Chủ động nghiên cứu, xử lý; hướng dẫn, đề nghị các bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan rà soát, xử lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật đối với các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án điện; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý các khó khăn, vướng mắc.

(iv) Chỉ đạo EVN và các nhà máy nhiệt điện than đẩy nhanh thực hiện việc nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải để hoạt động sản xuất điện được liên tục, đáp ứng nhu cầu của hệ thống điện quốc gia đồng thời bảo đảm tuân thủ các quy chuẩn về môi trường.

b) Đối với các Bộ, ngành khác

(i) Bộ Tài chính

- Ưu tiên phân bổ và phê duyệt dự toán ngân sách nhà nước để triển khai đầu tư lắp đặt điện mặt trời tự sản xuất, tự tiêu thụ tại các cơ quan công sở, trụ sở cơ quan hành chính, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các hộ gia đình trên địa bàn. Nguồn vốn này được tính vào chi phí đầu tư công hoặc chi thường xuyên của các cơ quan hành chính sự nghiệp.

- Xây dựng cơ chế tài chính, tháo gỡ vướng mắc về vốn vay quốc tế cho các dự án điện khi không có bảo lãnh Chính phủ.

- Với vai trò là đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chỉ đạo, đôn đốc EVN, PVN và TKV chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm cung ứng điện giai đoạn 2027-2030; bảo đảm các tập đoàn thực hiện đầy đủ trách nhiệm về đầu tư, tiến độ dự án, cung cấp điện, nhiên liệu và các điều kiện cần thiết cho vận hành hệ thống điện an toàn, liên tục, ổn định.

- Nghiên cứu bố trí vốn đầu tư công cho một số công trình truyền tải liên miền mang tính chiến lược theo danh mục do Bộ Công Thương đề xuất.

- Chỉ đạo EVN, PVN triển khai đầu tư lắp đặt khoảng 2.000 MW BESS tại miền Bắc đưa vào vận hành trước năm 2027 và đạt lũy kế 3.000 MW BESS trước năm 2028 để đáp ứng nhu cầu công suất đỉnh của hệ thống.

(ii) Ngân hàng Nhà nước ban hành hạn mức tín dụng riêng cho các công trình công nghiệp và năng lượng trọng điểm.

(iii) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố rà soát việc quy hoạch các trung tâm dữ liệu, trung tâm AI. Điều chỉnh quy hoạch các trung tâm dữ liệu theo hướng hạn chế tối đa việc bố trí tại các trung tâm phụ tải lớn (như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Đồng Nai, ...). Trường hợp bố trí tại các trung tâm phụ tải, chỉ quy hoạch các dự án có khả năng tự bảo đảm cung cấp điện tối thiểu 50% sản lượng tiêu thụ.

(iv) Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố rà soát, xử lý dứt điểm các vướng mắc về chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển đổi đất rừng, thủ tục về môi trường cho các dự án điện đang triển khai. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương trong công tác phối hợp vận hành các nhà máy thủy điện.

c) Đối với UBND các tỉnh, thành phố

(i) Rà soát danh mục các dự án nguồn, lưới điện đã có quy hoạch, đánh giá kỹ tình hình triển khai để đề xuất giải pháp đảm bảo tiến độ đầu tư và vận hành của các dự án. Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố phải chịu trách nhiệm cuối cùng trong trường hợp các dự án điện không bảo đảm tiến độ theo quy hoạch được duyệt.

(ii) Xây dựng phương án lắp đặt điện mặt trời tự sản xuất, tự tiêu thụ tại các cơ quan công sở, trụ sở cơ quan hành chính, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các hộ gia đình trên địa bàn, hoàn thành trong năm 2026. Trước mắt sử dụng ngân sách nhà nước lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ cho các bệnh viện, trường học, cơ quan công sở do nhà nước quản lý khoảng 2.800 MW hoàn thành trước tháng 6 năm 2027.

(iii) Tổ chức đấu thầu công khai, minh bạch để chọn các nhà đầu tư có đủ năng lực tài chính và kinh nghiệm thực hiện dự án, tránh tình trạng dự án bị "ngâm" do chủ đầu tư yếu kém.

(iv) Cập nhật đồng bộ quy hoạch sử dụng đất của tỉnh với Quy hoạch điện VIII để không xảy ra chồng lấn ranh giới dự án; bàn giao mặt bằng sạch đúng tiến độ cho chủ đầu tư để xây dựng nhà máy điện và hành lang lưới điện truyền tải.

d) Đối với các Tập đoàn, Tổng công ty

(i) EVN tập trung mọi nguồn lực để đầu tư, hoàn thành các nguồn điện, dự án lưới điện truyền tải giải tỏa công suất, chống quá tải cục bộ; đẩy nhanh tiến độ đàm phán hợp đồng PPA trên tinh thần "hài hòa lợi ích, chia sẻ rủi ro", không để kéo dài gây trễ hạn dự án.

(ii) PVN chịu trách nhiệm chuỗi hạ tầng khí (chuỗi dự án khí - điện Lô B, các kho cảng LNG lớn như Thị Vải, Sơn Mỹ).

(iii) TKV và PVN phối hợp đảm bảo nguồn cung nhiên liệu (than, khí trong nước) ổn định cho các nhà máy điện vận hành liên tục.

(iv) EVNNPT giữ vai trò nòng cốt và chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc xây dựng, vận hành hệ thống lưới điện truyền tải từ 220 kV trở lên theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh; tập trung xây dựng các trục truyền tải điện siêu cao áp, kết nối lưới

điện liên miền (Bắc - Trung - Nam); xác định hạ tầng lưới điện phải "đi trước một bước" để bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Đối với từng dự án cấp bách, EVNNPT phải lập kế hoạch khởi công, đóng điện chi tiết, rà soát nghiêm ngặt các mốc thời gian và không được để xảy ra chậm trễ do nguyên nhân chủ quan.

Bộ Công Thương kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./. *Qu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đảng uỷ Chính phủ (để b/c);
- PTTgTTCP Phạm Gia Túc (để b/c);
- VPCP;
- Bộ trưởng (để b/c);
- EVN, PVN, TKV, EVNNPT;
- VNL;
- Lưu VT, ĐL (KH&QH-CuongNMa).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trương Thanh Hoài

